TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2022/DS-ST
Ngày 05-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Hồng Nh, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-01-2021, nguyên đơn là chị Đỗ Thị N trình bày: Ngày 20-01-2015, chị N có cho chị Đoàn Thị Nh vay số tiền 900.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, khi giao tiền cho chị Nh có làm biên nhận và giấy thỏa thuận trả vốn, lãi hàng tháng. Do chị Nh không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên chị N yêu cầu chị Nh trả lại số tiền 900.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố

tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng chị Đoàn Hồng Nh không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Về nội dung: Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N về việc đòi lại tài sản cho vay. Buộc chị Đoàn Hồng Nh có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 900.000.000 đồng. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 04-01-2022, chị Đỗ Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; chị Đoàn Hồng Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và chị Nh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N, thấy rằng: Tại biên nhận ngày 20-01-2015, thể hiện: "Tôi tên: Đoàn Hồng Nh, sinh năm 07/7/1978 … vào ngày 20/01/2015 Tôi có nhận của Đỗ Thị N, sinh năm 1979 … tổng số tiền 900.000.000 đồng. Tôi xin hứa sẽ trả theo thỏa thuận, nếu có gì sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật". Ngoài ra, giữa chị N và chị Nh lập văn bản thỏa thuận lãi suất và phương thức hoàn trả vốn tại "Giấy thỏa thuận ngày" 20-01-2015, như sau: "Tôi tên: Đoàn Hồng Nh … vào ngày 20-01- 2015 âm lịch, tôi có nhận của Đỗ Thị N … Tổng số tiền vốn là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), lãi hàng tháng là 2%/tháng. Nay tôi viết giấy thỏa thuận này thống nhất cách trả nợ như sau: Năm thứ nhất trả mỗi tháng 10.000.000 đồng; năm thứ 2 trả mỗi tháng 20.000.000 đồng; năm thứ 3 mỗi tháng trả 30.000.000 đồng; năm thứ 4 trả vốn và lãi". Mặt khác, tại văn bản trả lời số 04/CSĐT ngày 22-11-2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, thể hiện: "… chị Nh nhờ chị N vay vốn bên ngoài nhiều lần và dồn lại số tiền 900.000.000 đồng, Nh hoàn toàn thừa nhận (có lịch trả nợ, có thỏa thuận). Chưa có tài liệu chứng minh Nh bị ép buộc ghi biên nhận nợ cũng như các tài liệu về cho vay nặng lãi…" (bút lục số 01). Tại công văn số 209-CV/ĐU ngày 22-4-2019 của Đảng ủy xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau, về việc trả lời đơn yêu cầu của chị Đỗ Thị N, thể hiện: "…Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xét thấy 2 biên nhận và giấy thỏa thuận trả nợ đều có chữ ký của đồng chí Đoàn Hồng Nh: Biên nhận ký vào ngày 20 tháng 01 năm 2015 với số tiền 900.000.000 đồng … Giấy thỏa thuận trả nợ ký vào ngày ngày 20 tháng 01 năm 2015.." (bút lục số 03). Quá

trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập chị Nh tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản phản bác yêu cầu của nguyên đơn nên xem như cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Như đã phân tích trên, có đầy đủ cơ sở để xác định chị Đoàn Hồng Nh có vay của chị Đỗ Thị N số tiền vốn 900.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng là thực tế, quá trình thực hiện hợp đồng chị Nh không thực hiện việc trả vốn, đóng lãi theo hợp đồng ký kết nên đã vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy, chị N khởi kiện yêu cầu chị Nh trả số tiền vốn vay 900.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với lãi suất: Tuy trong hợp đồng giữa chị N và chị Nh có thỏa thuận về lãi suất là 2%/tháng, quá trình thực hiện hợp đồng chị Nh chưa thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và chị N cũng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét đối trừ nghĩa vụ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền theo yêu cầu của chị N được Tòa án chấp nhận. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N được Tòa án chấp nhận nên chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N. Buộc chị Đoàn Hồng Nh phải có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị N số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Hồng Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng), chưa nộp.

Chị Đỗ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 18 tháng 01 năm 2021, chị N đã dự nộp 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006146 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được hoàn trả lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Chị Đỗ Thị N và chị Đoàn Hồng Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út